

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2022

V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Mai Thị Tiếp  
2. Ông Đỗ Khắc Kiếm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXX- ST ngày 18 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa:

- **Nguyên đơn:** **Chị Đặng Thị B, sinh năm 1978**

- **Bị đơn:** **Anh Hà Văn H, sinh năm 1976**

HKTT: Số 02/7 phố Ph, phường T, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị B; Vắng mặt anh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị B trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Hà Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/5/2002 tại UBND phường L, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nhà, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn H.

- Về con chung: Chị và anh Hà Văn H có 03 con chung là cháu Hà Thùy L, sinh ngày 23/11/2002; Cháu Hà Bảo Y, sinh ngày 16/6/2007; Cháu Hà Tuấn H, sinh ngày 23/6/2011. Nguyên vọng của chị B khi ly hôn giao cháu Y cho trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu L đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản: Chị Đặng Thị B không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Hà Văn H và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Triệu tập anh H đến Tòa án để tự khai cũng như tham gia phiên họp và hoà giải. Mặc dù được giao các thông báo hợp lệ nhưng anh H không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Tại biên bản xác minh do địa phương cung cấp thể hiện: Chị B và anh H kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H. Sau khi kết hôn, chị B và anh H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được. Hiện tại anh H vẫn sinh sống tại địa phương, anh H làm việc tại Sở văn hóa thể thao và du lịch, sáng đi tối về. Nay chị B có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Bình vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn nhưng anh Hùng không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28,35,39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị B đối với anh Hà Văn H. Về con chung: Giao cháu Y cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung còn cháu L đã thành niên nên không xem xét.

Về tài sản: Không xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Hà Văn H vắng mặt tại phiên tòa, anh Hùng đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Chị B đề nghị Toà án tiến hành xét xử vụ án, nên Toà án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt anh H là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị B và anh Hà Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị B không còn tình cảm với anh H; Vợ chồng đã sống ly thân và hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên chị Bình nên suy nghĩ kỹ trước khi quyết định việc ly hôn nhưng chị B vẫn cương quyết xin ly hôn anh H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H nhiều lần để hòa giải nhưng anh H vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh H không có thiện chí để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai vợ chồng không đạt được. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị B về việc xin ly hôn anh Hà Văn H.

[3] Về con chung: Chị B và anh H có 03 con chung là cháu Hà Thùy L, sinh ngày 23/11/2002; Cháu Hà Bảo Y, sinh ngày 16/6/2007; Cháu Hà Tuấn H, sinh ngày 23/6/2011. Nguyên vọng của chị B khi ly hôn giao cháu Y cho chị Bình trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung còn cháu L đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, cháu Hà Bảo Y khai: Chuyện tình cảm của bố mẹ cháu, cháu không can thiệp được, nhưng nếu bố mẹ cháu phải ly hôn, cháu xin được ở với mẹ; Còn cháu Hà Tuấn H khai nguyện vọng muốn ở với bố vì từ khi bố mẹ sống ly thân, cháu đang ở với bố.

Xét thấy: Anh H không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên hòa giải, không có ý kiến về con chung. Để đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt, học tập cũng như nguyện vọng chính đáng của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B.

Giành cho anh Hà Văn H quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có yêu cầu.

[4] Về tài sản: Chị B không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

**Xử:** - Về hôn nhân: Chị Đặng Thị B được ly hôn anh Hà Văn H.

- Về con chung: Công nhận chị Đặng Thị B và anh Hà Văn H có 03 con chung là cháu Hà Thùy L, sinh ngày 23/11/2002; Cháu Hà Bảo Y, sinh ngày 16/6/2007; Cháu Hà Tuấn H, sinh ngày 23/6/2011.

Giao cháu Hà Bảo Y cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Hà Tuấn H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Hà Thùy L đã thành niên nên không xem xét.

Chị B và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có yêu cầu.

- Về tài sản: Chị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Đặng Thị B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001309 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị B đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND phường L;
- Lưu hồ sơ .

*Đã ký*

**Trương Thị Anh**